

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN
NAM VIỆT

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 5
3. Báo cáo kiểm toán	6
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2012	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	14 - 43
8. Phụ lục	44 - 47

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nam Việt trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Nam Việt (Công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

Khái quát về Tập đoàn***Công ty mẹ***

Công ty cổ phần Nam Việt hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5203000050, đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 10 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 05 tháng 9 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Ông Doãn Tới	299.500.000.000	45,38
Ông Doãn Chí Thanh	90.000.000.000	13,64
Ông Nguyễn Duy Nhứt	100.000.000	0,01
Các cổ đông khác	270.400.000.000	40,97
Cộng	660.000.000.000	100,00

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh từ ngày 20 tháng 12 năm 2006 với mã chứng khoán là ANV.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang.
 Điện thoại : (84-76) 3834060
 Fax : (84-76) 3834054
 E-mail : namvietagg@hcm.vnn.vn
 Mã số thuế : 1600168736

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy chế biến thức ăn thủy sản – chi nhánh Công ty cổ phần Nam Việt	Khu công nghiệp Thốt Nốt, phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Hoạt động chính của Công ty cổ phần Nam Việt theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là:

- Xây dựng công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình công nghiệp;
- Xây dựng công trình giao thông (cầu, đường, cống...);
- Xây dựng công trình thủy lợi;
- Nuôi cá;
- Sản xuất bao bì giấy;
- In bao bì các loại;
- Sản xuất, chế biến và bảo quản thủy sản;
- Sản xuất dầu Bio-diesel;
- Chế biến dầu cá và bột cá;
- Sản xuất keo Gentiline và Glycerin;
- Mua bán cá, thủy sản;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Khai thác khoáng sản: Crômít, muối mỏ công nghiệp và kim loại màu (Sắt, đồng, chì, kẽm...);
- Sản xuất và mua bán phân bón;
- Truyền tải và phân phối điện;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Sản xuất, chế biến và mua bán thức ăn thủy sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Giấy phép thành lập	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty TNHH một thành viên Ấn Độ Dương	Trung tâm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, xã Thới Thuận, huyện Thốt Nốt, TP. Cần Thơ	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5704000012 ngày 26 tháng 10 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp.	100%
Công ty TNHH thủy sản Biển Đông	Phường Mỹ Phước, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang	Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh lần thứ tư số 521022000154 ngày 11 tháng 10 năm 2009 do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cấp.	90,82%

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Tập đoàn

Ngày 01 tháng 10 năm 2012, Công ty cổ phần Nam Việt đã bán 8.100.000 cổ phiếu của Công ty cổ phần cromit Nam Việt (Công ty con). Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty chỉ còn nắm giữ 1.100.000 cổ phiếu tương đương 6% vốn điều lệ của Công ty cổ phần cromit Nam Việt.

Ngày 01 tháng 10 năm 2012, Công ty cổ phần Nam Việt đã mua lại toàn bộ phần vốn góp của Piazza's Seafood World, LLC trong Công ty TNHH thủy sản Biển Đông.

Lợi nhuận từ hoạt động thủy sản năm nay giảm do chi phí bán hàng tăng và lãi chênh lệch tỷ giá giảm. Đồng thời hoạt động khai thác, sản xuất quặng cromit, fectorom tiếp tục bị lỗ làm cho lợi nhuận của Tập đoàn giảm đáng kể so với năm trước.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 43).

Trong năm, Công ty cổ phần Nam Việt đã chia cổ tức năm 2011 theo Nghị quyết họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2012 ngày 26 tháng 5 năm 2012 với số tiền là 59.044.725.000 VND.

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nam Việt khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2012 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty cổ phần Nam Việt trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Doãn Tới	Chủ tịch	20 tháng 9 năm 2009	-
Ông Nguyễn Duy Nhứt	Phó Chủ tịch	20 tháng 9 năm 2009	-
Ông Doãn Chí Thanh	Thành viên	20 tháng 9 năm 2009	-
Ông Đỗ Lập Nghiệp	Thành viên	20 tháng 9 năm 2009	-
Ông Trần Minh Cảnh	Thành viên	24 tháng 4 năm 2011	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trần Ngọc Hiến	Trưởng ban	11 tháng 6 năm 2012	-
Ông Trần Ánh	Trưởng ban	24 tháng 4 năm 2011	11 tháng 6 năm 2012
Ông Lương Văn Hữu	Thành viên	24 tháng 4 năm 2011	-
Ông Bùi Thiện Khánh	Thành viên	24 tháng 4 năm 2011	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Doãn Tới	Tổng Giám đốc	15 tháng 8 năm 2006	-
Bà Dương Thị Kim Hương	Phó Tổng Giám đốc	27 tháng 7 năm 2007	-
Ông Nguyễn Duy Nhứt	Phó Tổng Giám đốc	09 tháng 10 năm 2008	-
Ông Đỗ Lập Nghiệp	Phó Tổng Giám đốc	03 tháng 8 năm 2011	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Nam Việt chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty cổ phần Nam Việt đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Nam Việt cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Doãn Tới

Chủ tịch

Ngày 27 tháng 3 năm 2013





**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist. 1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0318/2013/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2012 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 của Công ty cổ phần Nam Việt bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Nam Việt (công ty mẹ) và các công ty con (danh sách các công ty con được trình bày ở thuyết minh số 1.5) (gọi chung là Tập đoàn) gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 15 tháng 3 năm 2013, từ trang 07 đến trang 43 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Nam Việt. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Nam Việt cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0099/KTV

Phan Vũ Công Bá - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0197/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.477.017.902.665	1.216.406.795.270
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	76.608.553.761	150.359.706.491
1. Tiền	111		60.360.153.761	24.749.802.491
2. Các khoản tương đương tiền	112		16.248.400.000	125.609.904.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		7.252.931.953	68.397.375.756
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	7.252.931.953	68.397.375.756
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		581.418.045.196	571.344.914.445
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	567.220.029.490	587.228.827.463
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	67.280.326.134	31.638.181.875
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	14.130.154.915	19.082.188.300
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(67.212.465.343)	(66.604.283.193)
IV. Hàng tồn kho	140		776.791.039.337	383.251.484.104
1. Hàng tồn kho	141	V.7	781.157.147.119	389.261.158.160
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(4.366.107.782)	(6.009.674.056)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		34.947.332.418	43.053.314.474
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	1.958.133.161	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		25.877.216.360	8.698.432.015
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	7.111.982.897	34.354.882.459

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		961.215.984.842	937.119.961.096
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		546.578.816.514	651.445.020.388
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	270.723.404.277	456.127.470.754
<i>Nguyên giá</i>	222		779.053.987.092	895.711.884.718
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(508.330.582.815)	(439.584.413.964)
2. Tài sản cố định thuê tài chính		V.12	35.715.458.314	-
<i>Nguyên giá</i>	225		36.781.113.206	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(1.065.654.892)	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.13	109.074.847.561	26.116.761.340
<i>Nguyên giá</i>	228		109.348.288.893	28.147.770.403
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(273.441.332)	(2.031.009.063)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.14	131.065.106.362	169.200.788.294
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		397.450.446.168	280.966.824.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.15	159.612.500.000	39.150.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.16	244.504.000.000	253.704.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.17	(6.666.053.832)	(11.887.176.000)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		17.186.722.160	4.708.116.708
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.18	14.397.672.160	4.393.567.474
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.19	-	314.549.234
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.20	2.789.050.000	-
V. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.438.233.887.507	2.153.526.756.366

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ		300		1.020.524.018.316	650.903.010.480
I. Nợ ngắn hạn		310		1.003.739.292.618	629.719.815.933
1. Vay và nợ ngắn hạn		311	V.21	788.105.811.630	456.761.914.986
2. Phải trả người bán		312	V.22	127.260.440.424	63.820.220.368
3. Người mua trả tiền trước		313	V.23	13.259.617.315	11.966.273.658
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		314	V.24	2.055.642.476	5.358.254.964
5. Phải trả người lao động		315	V.25	24.895.493.230	5.447.822.194
6. Chi phí phải trả		316	V.26	1.123.918.819	2.293.408.955
7. Phải trả nội bộ		317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		319	V.27	43.109.189.733	67.653.589.405
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		323	V.28	3.929.178.991	16.418.331.403
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		327		-	-
II. Nợ dài hạn		330		16.784.725.698	21.183.194.547
1. Phải trả dài hạn người bán		331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ		332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác		333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn		334	V.29	16.784.725.698	19.440.855.200
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		336	VI.18, V.30	-	1.742.339.347
7. Dự phòng phải trả dài hạn		337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện		338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		400		1.416.805.554.349	1.446.837.213.565
I. Vốn chủ sở hữu		410		1.416.805.554.349	1.446.837.213.565
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		411	V.31	660.000.000.000	660.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		412	V.31	611.965.459.100	611.965.459.100
3. Vốn khác của chủ sở hữu		413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ		414	V.31	(27.417.629.848)	(27.417.629.848)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển		417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính		418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		420	V.31	172.257.725.097	202.289.384.313
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		430		-	-
1. Nguồn kinh phí		432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định		433		-	-
C- LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ		439	V.32	904.314.842	55.786.532.321
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		2.438.233.887.507	2.153.526.756.366

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		192.119.012.577	136.785.913.865
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	V.33	23.772.282.602	20.259.103.373
5. Ngoại tệ các loại :			
Dollar Mỹ (USD)		1.769.831,74	491.764,49
Euro (EUR)		1.858,86	1.880,12
Nhân dân tệ (CNY)		-	40.089
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Trần Minh Cảnh
Kế toán trưởng

An Giang, ngày 15 tháng 3 năm 2013



Doãn Tới
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL1	1.764.551.558.025	1.769.393.138.077
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VL1	18.388.758.930	14.173.039.171
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VL1	1.746.162.799.095	1.755.220.098.906
4. Giá vốn hàng bán	11	VL2	1.519.805.778.321	1.575.125.239.040
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		226.357.020.774	180.094.859.866
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL3	23.389.102.496	92.450.464.545
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	66.092.311.826	66.110.664.643
Trong đó: chi phí lãi vay	23		63.938.156.586	48.272.633.552
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	117.498.011.517	96.024.547.827
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	44.156.190.780	54.346.929.166
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		21.999.609.147	56.063.182.775
11. Thu nhập khác	31	VI.7	16.190.106.780	12.768.106.617
12. Chi phí khác	32	VL8	12.781.734.874	22.341.064.266
13. Lợi nhuận khác	40		3.408.371.906	(9.572.957.649)
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết liên doanh	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		25.407.981.053	46.490.225.126
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.24	50.940.929	-
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.19	314.549.234	142.672.235
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		25.042.490.890	46.347.552.891
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(9.170.574.894)	(27.078.876.913)
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		34.213.065.784	73.426.429.804
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	521	1.119

An Giang, ngày 15 tháng 3 năm 2013


 Trần Minh Cảnh
 Kế toán trưởng


 Doãn Tới
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		25.407.981.053	46.490.225.126
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.11, V.12, V.13	115.870.914.511	114.264.837.844
- Các khoản dự phòng	03	V.6, V.8, V.17	3.258.342.888	13.880.360.284
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3, VI.4	(1.778.949.106)	(2.683.166.423)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.7, VI.8	(21.548.530.158)	(32.692.577.582)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	63.938.156.586	48.272.633.552
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		185.147.915.774	187.532.312.801
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		17.188.100.958	(36.896.429.798)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(554.568.769.918)	(122.485.659.221)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		72.377.530.860	28.205.106.678
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(15.494.905.842)	(3.489.116.886)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(63.546.869.622)	(47.698.360.788)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.24	(3.825.103.838)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		3.883.963.391	356.470.837
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(11.574.630.584)	(9.565.627.935)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(370.412.768.821)	(4.041.304.312)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(147.951.937.970)	(95.666.167.769)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	1.308.072.726	5.765.236.363
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(66.384.001.613)	(110.664.304.200)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		163.377.445.416	144.239.727.814
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(119.220.594.354)	(27.554.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		25.320.053.821	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		18.581.328.743	33.273.584.558
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(124.969.633.231)	(50.605.923.234)

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.21	3.060.825.749.270	1.231.127.634.677
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.21	(2.578.812.263.864)	(1.038.488.783.691)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	V.21	(1.448.352.384)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.31	(58.933.883.700)	(58.774.189.700)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		421.631.249.322	133.864.661.286
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(73.751.152.730)	79.217.433.740
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	150.359.706.491	71.160.812.400
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(18.539.649)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	76.608.553.761	150.359.706.491

Trần Minh Cảnh
Kế toán trưởng



An Giang, ngày 15 tháng 3 năm 2013

Doãn Tới
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Nam Việt cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Nam Việt (Công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- Hình thức sở hữu vốn của công ty mẹ** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến.
- Ngành nghề kinh doanh** : Nuôi cá; Sản xuất bao bì giấy; In bao bì các loại; Sản xuất, chế biến và bảo quản thủy sản; Chế biến dầu cá và bột cá; Mua bán cá, thủy sản.
- Tổng số các công ty con** : 02

5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH một thành viên Ân Độ Dương	Trung tâm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, xã Thới Thuận, huyện Thốt Nốt, TP. Cần Thơ	100%	100%
Công ty TNHH thủy sản Biển Đông	Phường Mỹ Phước, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang	90,82%	90,82%

6. Danh sách công ty liên kết không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập báo cáo tài chính hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ	Lý do
Công ty cổ phần DAP số 2 – Vinachem	Xã Xuân Giao, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai	Công ty chưa đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

7. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 Tập đoàn có 5.077 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (cuối năm trước là 3.955 nhân viên).

8. Những sự kiện ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn trong năm

Ngày 01 tháng 10 năm 2012, Công ty cổ phần Nam Việt đã bán 8.100.000 cổ phiếu của Công ty cổ phần cromit Nam Việt (Công ty con). Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty chỉ còn nắm giữ 1.100.000 cổ phiếu tương đương 6% vốn điều lệ của Công ty cổ phần cromit Nam Việt.

Ngày 01 tháng 10 năm 2012, Công ty cổ phần Nam Việt đã mua lại toàn bộ phần vốn góp của Piazza's Seafood World., LLC trong Công ty TNHH thủy sản Biển Đông.

Lợi nhuận từ hoạt động thủy sản năm nay giảm do chi phí vận chuyển tăng và lãi chênh lệch tỷ giá giảm. Đồng thời hoạt động khai thác, sản xuất quảng cromit, fecorom tiếp tục bị lỗ làm cho lợi nhuận của Tập đoàn giảm đáng kể so với năm trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Nam Việt đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Các Công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Áp dụng qui định kế toán mới

Ngày 24 tháng 10 năm 2012 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC qui định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư này qui định tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn có giao dịch phát sinh, tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn mở tài khoản công bố thay vì sử dụng tỷ giá bình quân liên ngân hàng như hướng dẫn tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Các qui định khác của Thông tư này tương tự như hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái mà Tập đoàn đang áp dụng.



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Nam Việt (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

4. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

6. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

8. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 30
Máy móc và thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 07

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	07 - 09

11. Tài sản thuê hoạt động

Tập đoàn là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Tập đoàn là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo Phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ. Quyền sử dụng đất của Công ty cổ phần Nam Việt không xác định thời hạn nên không tính khấu hao. Quyền sử dụng đất của Công ty cổ phần Cromit Nam Việt sẽ được khấu hao từ khi bắt đầu sản xuất (tháng 01 năm 2011) cho thời gian sử dụng còn lại.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 06 năm.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

15. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

318.
3 TY
M HOU
VA TU
C
HO C

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. Chi phí trả trước dài hạn

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định thể hiện các khoản chi phí liên quan đến việc sửa chữa nhà xưởng. Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 02 - 05 năm.

17. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong năm.

18. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Các Công ty trong Tập đoàn phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương bình quân làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 01 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 các Công ty trong Tập đoàn phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp các Công ty trong Tập đoàn không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc chi trả trong năm được ghi giảm số dư đã trích lập trong các năm trước. Nếu số dư đã trích lập trong các năm trước không đủ để chi trợ cấp thôi việc cho người lao động thì toàn bộ phần chi còn thiếu được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm. Nếu số dư đã trích lập trong các năm trước sau khi chi trợ cấp thôi việc trong năm vẫn còn số dư thì phần chưa chi được ghi nhận vào thu nhập khác trong năm.

19. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chi tiêu Thặng dư vốn cổ phần.



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

21. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm của Công ty cổ phần Nam Việt.

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

23. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2011 : 20.828 VND/USD
31/12/2012 : 20.815 VND/USD

24. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận khi hàng hoá đã được gia công xong và được khách hàng chấp nhận. Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.8.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

25. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm các nhóm: các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

26. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng từ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

27. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

28. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

29. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.477.373.632	3.927.663.866
Tiền gửi ngân hàng	58.882.780.129	20.822.138.625
Các khoản tương đương tiền (*)	16.248.400.000	125.609.904.000
Cộng	76.608.553.761	150.359.706.491

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cho các cá nhân vay	779.930.340	68.226.316.740
Cho Công ty TNHH Đại Tây Dương vay	450.000.000	171.059.016
Cho Công ty TNHH cromit Nam Việt vay	6.023.001.613	-
Cộng	7.252.931.953	68.397.375.756

3. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tại Công ty cổ phần Nam Việt	461.743.161.541	478.269.054.235
Tại Công ty TNHH một thành viên Ấn Độ Dương	73.775.840.499	77.967.355.942
Tại Công ty TNHH thủy sản Biển Đông	31.701.027.450	-
Tại Công ty cổ phần cromit Nam Việt	-	30.992.417.286
Cộng	567.220.029.490	587.228.827.463

4. Trả trước người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tại Công ty cổ phần Nam Việt	65.332.288.562	14.155.693.977
Tại Công ty TNHH một thành viên Ấn Độ Dương	1.933.037.572	1.961.245.200
Tại Công ty TNHH thủy sản Biển Đông	15.000.000	-
Tại Công ty cổ phần cromit Nam Việt	-	15.521.242.698
Cộng	67.280.326.134	31.638.181.875

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**5. Các khoản phải thu khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế nhập khẩu chờ hoàn	5.502.097	507.186.975
Lãi cho vay, kỳ phiếu và tiền gửi có kỳ hạn	6.976.163.708	8.950.061.778
Tập đoàn hợp kim sắt Hồ Nam – các khoản chi hộ	-	4.272.220.158
Chi hộ cước vận chuyển cho Công ty cổ phần Ba Long	69.435.270	69.435.270
Tiền, vật tư cho mượn	2.696.489.691	890.181.266
Các khoản phải thu khác	4.382.564.149	4.393.102.853
Cộng	14.130.154.915	19.082.188.300

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 01 năm	-	743.809.536
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	1.011.811.243	9.649.648.876
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	8.024.016.111	1.175.408.887
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 03 năm	58.176.637.989	55.035.415.894
Cộng	67.212.465.343	66.604.283.193

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

Số đầu năm	66.604.283.193
Trích lập dự phòng bổ sung	4.018.843.179
Xóa nợ trong năm	(3.410.661.029)
Số cuối năm	67.212.465.343

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng mua đang đi trên đường	16.931.035.809	-
Nguyên liệu, vật liệu	36.192.670.964	55.061.840.340
Công cụ, dụng cụ	2.960.781.579	4.617.574.623
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	441.113.613.383	126.176.194.943
Thành phẩm	253.846.643.459	188.927.850.713
Hàng hóa	16.435.958.851	-
Hàng gửi đi bán	13.676.443.074	14.477.697.541
Cộng	781.157.147.119	389.261.158.160

8. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá thành phẩm tồn kho.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Số đầu năm	6.009.674.056
Hoàn nhập dự phòng	(1.643.566.274)
Số cuối năm	4.366.107.782

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**9. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền thuê đất	533.333.333	-
Công cụ dụng cụ	759.210.325	-
Chi phí sửa chữa	475.939.503	-
Chi phí khác	189.650.000	-
Cộng	1.958.133.161	-

10. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	87.070.818
Tạm ứng	6.758.297.630	28.740.474.207
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	353.685.267	5.527.337.434
Cộng	7.111.982.897	34.354.882.459

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	328.837.706.538	505.680.083.431	50.777.771.820	10.416.322.929	895.711.884.718
Mua trong năm	49.001.400	36.042.534.705	4.184.332.232	733.445.453	41.009.313.790
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	29.672.290.753	34.307.839.543	-	-	63.980.130.296
Tăng do mua Công ty con	-	-	-	63.930.740	63.930.740
Giảm do bán Công ty con	(101.693.761.171)	(110.581.910.092)	(8.185.875.626)	(91.281.385)	(220.552.828.274)
Thanh lý, nhượng bán	(1.122.080.542)	-	(36.363.636)	-	(1.158.444.178)
Số cuối năm	255.743.156.978	465.448.547.587	46.739.864.790	11.122.417.737	779.053.987.092

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	8.446.281.891	56.644.043.318	9.424.648.805	7.639.878.186	82.154.852.200
---------------------------------------	---------------	----------------	---------------	---------------	----------------

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	152.657.818.846	248.085.957.208	29.706.676.297	9.133.961.613	439.584.413.964
Khấu hao trong năm (*)	39.837.017.120	65.936.731.676	6.896.179.329	704.685.799	113.374.613.924
Tăng do mua Công ty con	-	-	-	63.930.740	63.930.740
Giảm do bán Công ty con	(17.610.335.988)	(22.244.848.859)	(3.663.871.901)	(51.238.523)	(43.570.295.271)
Thanh lý, nhượng bán	(1.122.080.542)	-	-	-	(1.122.080.542)
Số cuối năm	173.762.419.436	291.777.840.025	32.938.983.725	9.851.339.629	508.330.582.815

Giá trị còn lại

Số đầu năm	176.179.887.692	257.594.126.223	21.071.095.523	1.282.361.316	456.127.470.754
Số cuối năm	81.980.737.542	173.670.707.562	13.800.881.065	1.271.078.108	270.723.404.277

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng	-	2.028.666.848	661.400.710	-	2.690.067.558
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(*) Trong đó, chi phí khấu hao hạch toán vào chi phí khác là 9.392.013.311 VND.

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị hao mòn lần lượt là 324.602.485.558 VND và 94.726.330.854 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng.

12. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	-	-	-
Thuê tài chính trong năm	36.781.113.206	1.065.654.892	
Số cuối năm	36.781.113.206	1.065.654.892	35.715.458.314

13. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	27.738.539.403	409.231.000	28.147.770.403
Mua trong năm	2.720.000.000	82.338.000	2.802.338.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	89.952.752.071	-	89.952.752.071
Giảm do bán Công ty con	(11.554.571.581)	-	(11.554.571.581)
Số cuối năm	108.856.719.893	491.569.000	109.348.288.893
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	175.291.000	175.291.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.808.930.063	222.079.000	2.031.009.063
Khấu hao trong năm	1.379.283.363	51.362.332	1.430.645.695
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	(3.188.213.426)	-	(3.188.213.426)
Số cuối năm	-	273.441.332	273.441.332
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	25.929.609.340	187.152.000	26.116.761.340
Số cuối năm	108.856.719.893	218.127.668	109.074.847.561
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn có nguyên giá 87.386.289.837 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển tăng TSCĐ	Giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ	3.070.415.695	33.511.097.603	(32.647.732.836)	(2.945.780.000)	988.000.462
XDCB dở dang	162.958.445.067	121.321.316.316	(152.944.417.267)	(1.694.443.931)	129.640.900.185
<i>Chi phí đầu tư dự án nuôi trồng thủy sản cồn Bà Hòa</i>	97.812.349.294	48.348.418.911	(49.276.268.071)	-	96.884.500.134
<i>Đất khu bệnh xá công an</i>	40.405.130.600	-	(40.279.000.000)	-	126.130.600
<i>Bể xử lý nước thải</i>	1.456.210.000	-	(1.456.210.000)	-	-
<i>Chi phí xây dựng các khu nuôi trồng thủy sản</i>	-	34.245.605.799	(11.981.359.832)	(681.464.381)	21.582.781.586
<i>Nhà máy chế biến thức ăn</i>	-	31.557.980.335	(20.705.612.227)	-	10.852.368.108
<i>Hạng mục nhà máy Cromit</i>	4.415.275.701	2.359.621.549	(5.761.917.700)	(1.012.979.550)	-
<i>Công trình bể xử lý nước thải</i>	17.948.855.715	-	(17.948.855.715)	-	-
<i>Các công trình khác</i>	920.623.757	4.809.689.722	(5.535.193.722)	-	195.119.757
Sửa chữa lớn TSCĐ	3.171.927.532	3.221.815.734	(988.465.100)	(4.969.072.451)	436.205.715
Cộng	169.200.788.294	158.054.229.653	(186.580.615.203)	(9.609.296.382)	131.065.106.362

15. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Khoản đầu tư vào Công ty cổ phần DAP số 2 – Vinachem.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1203000200 ngày 18 tháng 02 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty cổ phần DAP số 2 - Vinachem 435.000.000.000 VND, tương đương 29% vốn điều lệ. Trong năm, Công ty đã đầu tư thêm 101.562.500.000 VND và mua lại 1.350.000 cổ phần tương đương 18.900.000.000 VND từ Công ty TNHH phát triển công nghệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 15.421.250 cổ phiếu, tương đương 10,28% vốn điều lệ của Công ty cổ phần DAP số 2 – Vinachem (số đầu năm là 3.915.000 cổ phiếu, tương đương 2,61%). Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty cổ phần DAP số 2 - Vinachem là 294.287.500.000 VND.

16. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu		188.200.000.000		188.200.000.000
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển Mê Kông (MDB)</i>	54.000	135.000.000.000	54.000	135.000.000.000
<i>Công ty cổ phần bảo hiểm Hàng Không</i>	4.000.000	43.200.000.000	4.000.000	43.200.000.000
<i>Công ty tài chính cổ phần hóa chất Việt Nam</i>	1.000.000	10.000.000.000	1.000.000	10.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác		56.304.000.000		65.504.000.000
<i>Công ty cổ phần quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Việt Long (*)</i>	-	-	2.000.000	20.200.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty cổ phần quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Bán Việt	200	20.000.000.000	200	20.000.000.000
Công ty cổ phần quản lý quỹ Hùng Việt	-	5.000.000.000	-	5.000.000.000
Công ty cổ phần cromit Cổ Định Thanh Hóa	-	20.304.000.000	-	20.304.000.000
Công ty cổ phần cromit Nam Việt ^(**)	1.100.000	11.000.000.000	-	-
Cộng		244.504.000.000		253.704.000.000

(*) Công ty cổ phần quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Việt Long giải thể và hoàn trả toàn bộ vốn với số tiền là 9.010.815.733 VND.

(**) Trong năm Công ty đã bán 8.100.000 cổ phiếu của Công ty cổ phần cromit Nam Việt với giá bán là 5.300 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty chỉ còn nắm giữ 1.100.000 cổ phiếu tương đương 06% vốn điều lệ của Công ty cổ phần cromit Nam Việt (số đầu năm là 9.100.000 cổ phiếu, tương đương 51% vốn điều lệ) nên chuyển từ khoản đầu tư vào công ty con sang đầu tư dài hạn khác.

17. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn khác.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

Số đầu năm	11.887.176.000
Số trích lập dự phòng bổ sung	883.065.983
Tăng khác	5.084.996.116
Giảm khoản đầu tư	(11.189.184.267)
Số cuối năm	6.666.053.832

18. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	Giảm do bán Công ty con	Số cuối năm
Chi phí trước hoạt động	34.402.391	-	(34.402.391)	-	-
Tiền thuê đất	-	6.800.000.000	(2.800.000.000)	-	4.000.000.000
Công cụ dụng cụ	51.033.381	3.120.181.597	(589.465.549)	-	2.581.749.429
Chi phí sửa chữa	-	7.929.251.451	(1.338.246.698)	-	6.591.004.753
Chi phí khác	-	1.420.298.281	(195.380.303)	-	1.224.917.978
Chênh lệch tỷ giá	4.308.131.702	-	(775.463.707)	(3.532.667.995)	-
Cộng	4.393.567.474	19.269.731.329	(5.732.958.648)	(3.532.667.995)	14.397.672.160

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**19. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

Số đầu năm	314.549.234
Số hoãn nhập	(314.549.234)
Số cuối năm	-

20. Tài sản dài hạn khác

Ký quỹ, ký cược dài hạn.

21. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	667.849.937.925	433.617.170.786
Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn ^(a)	71.188.278.305	31.000.000.000
Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - chi nhánh Sầm Sơn	-	94.167.993.651
Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang ^(b)	294.376.409.245	185.303.977.135
Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh An Giang ^(c)	132.000.000.000	123.145.200.000
Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc An Giang ^(d)	122.285.250.375	-
Ngân hàng phát triển Việt Nam - chi nhánh An Giang ^(e)	48.000.000.000	-
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác ^(f)	94.711.528.844	3.703.889.000
Ông Doãn Tới	4.711.528.844	3.703.889.000
Bà Dương Thị Kim Hương	90.000.000.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả ^(g)	19.440.855.200	19.440.855.200
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.29)	6.103.489.661	-
Cộng	788.105.811.630	456.761.914.986

(a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp máy móc thiết bị của Công ty TNHH một thành viên Ấn Độ Dương và Công ty TNHH Đại Tây Dương và được đảm bảo bằng 9.000.000 cổ phiếu của Công ty cổ phần Nam Việt thuộc sở hữu của Ông Doãn Chí Thanh.

(b) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất của Công ty cổ phần Nam Việt.

(c) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh An Giang để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp máy móc thiết bị của Công ty cổ phần Nam Việt.

(d) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc An Giang để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất của Công ty (xem thuyết minh số V.13).

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (e) Khoản vay Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất và máy móc thiết bị của Công ty TNHH Đại Tây Dương.
- (f) Khoản vay các cá nhân để bổ sung vốn lưu động.
- (g) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình để đầu tư dự án nhà máy chế biến thủy sản. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định Công ty TNHH một thành viên Ấn Độ dương.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	Vay dài hạn đến hạn trả	Nợ thuê tài chính đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	433.617.170.786	3.703.889.000	19.440.855.200	-	456.761.914.986
Số tiền vay phát sinh trong năm	2.921.150.180.426	139.675.568.844	-	-	3.060.825.749.270
Số kết chuyển	-	-	19.440.855.200	7.551.842.045	26.992.697.245
Số tiền vay đã trả trong năm	(2.512.103.479.664)	(47.267.929.000)	(19.440.855.200)	(1.448.352.384)	(2.580.260.616.248)
Giảm do bán					
Công ty con	(174.618.690.297)	(1.400.000.000)	-	-	(176.018.690.297)
Chênh lệch tỷ giá	(195.243.326)	-	-	-	(195.243.326)
Số cuối năm	<u>667.849.937.925</u>	<u>94.711.528.844,00</u>	<u>19.440.855.200</u>	<u>6.103.489.661</u>	<u>788.105.811.630</u>

22. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tại Công ty cổ phần Nam Việt	114.904.355.933	36.812.441.029
Tại Công ty TNHH một thành viên Ấn Độ Dương	2.519.078.189	2.106.691.947
Tại Công ty TNHH thủy sản Biển Đông	9.837.006.302	-
Tại Công ty cổ phần cromit Nam Việt	-	24.901.087.392
Cộng	<u>127.260.440.424</u>	<u>63.820.220.368</u>

23. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tại Công ty cổ phần Nam Việt	13.020.949.263	11.756.655.063
Tại Công ty TNHH một thành viên Ấn Độ Dương	238.668.052	10.606.300
Tại Công ty cổ phần cromit Nam Việt	-	199.012.295
Cộng	<u>13.259.617.315</u>	<u>11.966.273.658</u>

24. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Giảm do bán Công ty con	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	350.623.442	1.539.481.510	(1.421.623.782)	(6.843.457)	461.637.713
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	6.357.360.266	(6.357.360.266)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	550.720.265	730.474.204	(506.102.683)	-	775.091.786
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.973.883.885	50.940.929	(3.825.103.838)	-	199.720.976

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Giảm do bán Công ty con	Số cuối năm
Thuế thu nhập cá nhân	132.108.452	1.780.365.623	(1.299.027.954)	(80.000)	613.366.121
Thuế tài nguyên	281.148.560	2.858.041.316	(2.265.092.761)	(868.271.235)	5.825.880
Thuế nhà đất	-	-	-	-	-
Phí tài nguyên	69.770.360	531.000.520	(508.027.720)	(92.743.160)	-
Các loại thuế khác	-	9.000.000	(9.000.000)	-	-
Cộng	5.358.254.964	13.856.664.368	(16.191.339.004)	(967.937.852)	2.055.642.476

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp:

Tại Công ty cổ phần Nam Việt (392.000.000)

Tại Công ty TNHH một thành viên Ấn Độ Dương 353.676.060

Tại Công ty TNHH thủy sản Biển Đông 89.264.869

Cộng 50.940.929**25. Phải trả người lao động**

Lương tháng 12 và tháng 13 còn phải trả cho nhân viên.

26. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	1.093.918.819	1.167.098.315
Chi phí dịch vụ	30.000.000	1.126.310.640
Cộng	1.123.918.819	2.293.408.955

27. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm thất nghiệp	1.200.047.194	1.071.822.637
Vật tư, hàng hóa tạm nhập	38.108.775.821	62.969.802.086
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	922.684.500	811.843.200
Các khoản phải trả khác	2.877.682.218	2.800.121.482
Cộng	43.109.189.733	67.653.589.405

28. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu năm	16.418.331.403
Trích từ lợi nhuận	5.200.000.000
Chi quỹ trong năm	(8.424.318.412)
Kết chuyển sang quỹ lương	(9.264.834.000)
Số cuối năm	3.929.178.991

29. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	-	19.440.855.200
Nợ dài hạn ^(a)	16,784.725.698	-
Cộng	16.784.725.698	19.440.855.200

(a) Thuê tài chính máy móc thiết bị của Công ty TNHH một thành viên cho thuê tài chính ngân hàng Á Châu.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn:**

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
Vay dài hạn ngân hàng	36.225.580.898	19.440.855.200	16.784.725.698	-
Nợ dài hạn	6.103.489.661	6.103.489.661	-	-
Cộng	42.329.070.559	25.544.344.861	16.784.725.698	-

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số kết chuyển	Số cuối năm
Vay dài hạn ngân hàng	19.440.855.200	-	(19.440.855.200)	-
Nợ dài hạn	-	24.336.567.743	(7.551.842.045)	16.784.725.698
Cộng	19.440.855.200	24.336.567.743	(26.992.697.245)	16.784.725.698

30. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	1.742.339.347
Số đã chi trong năm	(579.877.896)
Kết chuyển vào thu nhập khác	(1.162.461.451)
Số cuối năm	-

31. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm trang 44.

Cổ tức

Trong năm, Công ty cổ phần Nam Việt đã chi trả cổ tức như sau:

Trả cổ tức năm trước (9% mệnh giá)	58.933.883.700
Tạm ứng cổ tức	-
Cộng	58.933.883.700

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	66.000.000	66.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	66.000.000	66.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	66.000.000	66.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	394.750	394.750
- Cổ phiếu phổ thông	394.750	394.750
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	65.605.250	65.605.250
- Cổ phiếu phổ thông	65.605.250	65.605.250
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

32. Lợi ích cổ đông thiểu số

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	482.400.000	88.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421.914.842	(32.213.467.679)
Cộng	904.314.842	55.786.532.321

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Chi tiết phát sinh của Lợi ích cổ đông thiểu số như sau:**

Số đầu năm	55.786.532.321
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số Công ty cổ phần Cromit Nam Việt	(9.314.000.601)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số Công ty TNHH thủy sản Biển Đông	143.425.707
Tăng do mua Công ty TNHH thủy sản Biển Đông	760.889.135
Giảm do bán Công ty cổ phần Cromit Nam Việt	(46.472.531.720)
Số cuối năm	904.314.842

33. Nợ khó đòi đã xử lý

Số đầu năm	20.259.103.373
Nợ khó đòi đã xử lý	3.513.179.229
Số cuối năm	23.772.282.602

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	1.764.551.558.025	1.769.393.138.077
- Doanh thu bán hàng hóa	141.976.096.462	107.904.937.002
- Doanh thu bán thành phẩm	1.604.762.609.295	1.661.118.701.383
- Doanh thu khác	17.812.852.268	369.499.692
Các khoản giảm trừ doanh thu	(18.388.758.930)	(14.173.039.171)
- Giảm giá hàng bán	(5.245.683.221)	(9.888.733.833)
- Hàng bán bị trả lại	(13.143.075.709)	(4.284.305.338)
Doanh thu thuần	1.746.162.799.095	1.755.220.098.906
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	141.792.827.489	107.476.097.272
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	1.586.557.119.338	1.647.374.501.942
- Doanh thu thuần khác	17.812.852.268	369.499.692

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa	136.989.051.012	110.685.787.878
Giá vốn của thành phẩm	1.358.138.914.161	1.470.571.082.227
Giá vốn khác	26.321.379.422	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.643.566.274)	(6.131.631.065)
Cộng	1.519.805.778.321	1.575.125.239.040

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	5.992.989.241	13.155.867.798
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	522.940.321	494.595.782
Lãi tiền cho vay	6.964.074.849	7.056.071.712
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu	1.327.660.607	1.091.608.055
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.961.172.048	9.586.867.499
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.778.949.106	7.002.627.580
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.841.316.324	54.062.826.119
Cộng	23.389.102.496	92.450.464.545

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	63.938.156.586	48.272.633.552
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	4.319.461.157
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.271.089.257	11.417.639.534
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	883.065.983	2.100.930.400
Cộng	66.092.311.826	66.110.664.643

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	47.957.126	37.863.122
Chi phí nhân công	2.129.900.683	2.127.889.124
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.361.407.060	3.359.887.074
Chi phí hoa hồng	8.561.703.276	4.575.630.309
Chi phí vận chuyển	59.838.001.099	50.890.420.268
Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.197.577.116	32.764.620.435
Chi phí khác	1.361.465.157	2.268.237.495
Cộng	117.498.011.517	96.024.547.827

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.326.018.336	4.410.035.139
Chi phí nhân công	15.454.779.361	10.972.544.172
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.667.311.885	7.385.050.714
Thuế, phí và lệ phí	2.300.248.287	2.433.713.584
Chi phí dự phòng	4.015.781.463	17.911.060.949
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.158.630.220	4.469.724.856
Chi phí khác	7.233.421.228	6.764.799.752
Cộng	44.156.190.780	54.346.929.166

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.308.072.726	5.765.236.363
Bất lợi thương mại mua Công ty con	4.030.924.323	-
Thu nhập khác	10.851.109.731	7.002.870.254
Cộng	16.190.106.780	12.768.106.617

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**8. Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	36.363.636	3.963.073.845
Chi phí khấu hao TSCĐ tạm thời không sử dụng	9.392.013.311	16.652.469.759
Chi phí khác	3.353.357.927	1.725.520.662
Cộng	12.781.734.874	22.341.064.266

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ	34.213.065.784	73.426.429.804
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ	34.213.065.784	73.426.429.804
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	65.605.250	65.605.250
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	521	1.119

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỀN TIỀN TỆ

Trong năm, các Công ty trong Tập đoàn có phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến mua tài sản cố định như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Nợ mua tài sản cố định phải trả	26.129.284.266	26.129.284.266
Trả trước tiền mua tài sản cố định	6.638.291.784	6.638.291.784
Thanh lý Công ty con chưa thu tiền	25.293.101.305	-

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng của các công ty trong Tập đoàn và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hội đồng quản trị		
Công ty cổ phần Nam Việt vay	138.275.568.844	22.203.889.000
Công ty cổ phần Nam Việt bán nhà	-	296.772.727
Lãi Công ty cổ phần Nam Việt cho vay	(222.643.807)	37.309.729

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hội đồng quản trị	142.223.076	777.266.883
Cộng nợ phải thu	142.223.076	777.266.883
Hội đồng quản trị	94.711.528.844	3.703.889.000
Cộng nợ phải trả	94.711.528.844	3.703.889.000

Ngoài ra, các thành viên quản lý chủ chốt còn dùng tài sản cá nhân đảm bảo cho Công ty cổ phần Nam Việt vay Ngân hàng.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm là 600.926.284 VND (năm trước là 824.792.666 VND).

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty cổ phần DAP số 2 - Vinachem	Công ty liên kết
Công ty TNHH Đại Tây Dương	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty cổ phần cromit Nam Việt	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty TNHH Thanh Thiên	Công ty cùng chủ đầu tư

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa các công ty trong Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Đại Tây Dương		
Bán thành phẩm, bao bì	40.599.966	18.249.178.000
Chuyển nhượng phần vốn góp vào Công ty cổ phần cromit Nam Việt	42.930.000.000	-
Lãi cho vay	7.452.061	3.416.486.834
Cho vay	450.000.000	75.204.043.275
Chi hộ	103.545.300	352.000
Ứng tiền thuê đất	2.624.000.000	-
Chi phí gia công	1.490.305.262	-
Mua sản phẩm	24.252.594.461	32.853.499.520
Chi phí thuê kho, thuê tài sản	1.080.959.298	2.350.074.659
Chi phí	72.729.910	264.394.962
Thu hộ	1.827.724	3.011.198
Mua tài sản	-	14.820.609.139
Công ty cổ phần cromit Nam Việt		
Bán tài sản	250.570.348	-
Chi hộ bảo hiểm	64.111.756	-
Cho vay	64.373.001.613	-
Mua tài sản	1.214.363.636	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tại ngày năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Đại Tây Dương		
Phải thu tiền bán hàng	194.500.428.392	213.936.538.913
Ứng trước tiền dịch vụ	5.537.085.975	-
Cho vay	450.000.000	171.059.016
Công ty cổ phần cromit Nam Việt		
Phải thu bán hàng	131.978.361	-
Phải thu lãi cho vay	11.607.308.039	-
Cho vay	6.023.001.613	-
Phải thu khác	2.054.239.082	-
Cộng nợ phải thu	220.304.041.462	214.107.597.929
Công ty TNHH Đại Tây Dương		
Phải trả tiền hàng	229.406.185	229.406.185
Công ty cổ phần cromit Nam Việt		
Phải trả khác	1.000.000	-
Cộng nợ phải trả	230.406.185	229.406.185

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của các công ty trong Tập đoàn.

Lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực : Kinh doanh thủy sản và kinh doanh khác.
- Lĩnh vực : Sản xuất ferocrom.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn được thể hiện ở phụ lục 02 đính kèm từ trang 45 đến trang 47.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn được phân bố chủ yếu ở trong nước và xuất khẩu.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Xuất khẩu	1.506.035.076.159	1.497.646.354.699
Trong nước	240.127.722.936	257.573.744.207
Cộng	1.746.162.799.095	1.755.220.098.906

Các công ty trong Tập đoàn không thực hiện theo dõi các thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban điều hành các Công ty trong Tập đoàn chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban điều hành các Công ty trong Tập đoàn phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Các Công ty trong Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc ứng trước tiền hàng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban điều hành các Công ty trong Tập đoàn không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Các khoản cho vay

Tập đoàn cho các công ty liên quan và nhân viên vay tiền. Các đơn vị và cá nhân này đều có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	76.608.553.761	-	-	-	76.608.553.761
Phải thu khách hàng	498.515.861.963	-	-	68.704.167.527	567.220.029.490
Các khoản cho vay	7.252.931.953	-	-	-	7.252.931.953
Các khoản phải thu khác	14.153.417.548	-	-	2.760.285.270	16.913.702.818
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	233.504.000.000	-	-	11.000.000.000	244.504.000.000
Cộng	830.034.765.225	-	-	82.464.452.797	912.499.218.022

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	150.359.706.491	-	-	-	150.359.706.491
Phải thu khách hàng	508.737.042.146	-	-	78.491.785.317	587.228.827.463
Các khoản cho vay	68.397.375.756	-	-	-	68.397.375.756
Các khoản phải thu khác	53.435.621.759	-	-	1.449.000	53.437.070.759
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	193.200.000.000	-	-	40.200.000.000	233.400.000.000
Cộng	974.129.746.152	-	-	118.693.234.317	1.092.822.980.469

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phải sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả người bán	127.260.440.424	-	-	127.260.440.424
Vay và nợ	789.199.730.449	16.784.725.698	-	805.984.456.147
Các khoản phải trả khác	41.939.142.539	-	-	41.939.142.539
Cộng	958.399.313.412	16.784.725.698	-	975.184.039.110
Số đầu năm				
Phải trả người bán	63.820.220.368	-	-	63.820.220.368
Vay và nợ	456.761.914.986	19.440.855.200	-	476.202.770.186
Các khoản phải trả khác	75.394.820.554	1.742.339.347	-	77.137.159.901
Cộng	595.976.955.908	21.183.194.547	-	617.160.150.455

Ban điều hành các Công ty trong Tập đoàn cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Tập đoàn có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán và giá hàng hóa/nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất và xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Tập đoàn như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.769.831,74	1.858,86	491.764,49	1.880,12
Phải thu khách hàng	13.846.231,04	-	16.479.745,11	-
Vay và nợ	(16.624.477,69)	-	(3.369.881,45)	-
Phải trả người bán	(889.252,28)	-	(19.175,22)	-
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(1.897.667,19)	1.858,86	13.582.452,93	1.880,12

Ban điều hành các Công ty trong Tập đoàn đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể do tình hình tỷ giá ngoại tệ không có biến động lớn trong năm qua.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Tập đoàn như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	USD	VND	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.000.000.000	300.000,00	99.200.000.000	1.268.000,00
Vay và nợ	(364.120.536.252)	(16.624.477,69)	(402.310.990.308)	(3.369.881,45)
(Nợ phải trả) thuần	(354.120.536.252)	(16.324.477,69)	(303.110.990.308)	(2.101.881,45)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 02% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 7.082.410.725 VND (năm trước giảm/tăng 6.062.219.806 VND). Mức độ nhạy cảm đối với sự biến động của lãi suất năm nay không thay đổi nhiều so với năm trước.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay USD có lãi suất thả nổi tăng/giảm 01% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 3.397.940.031 VND (năm trước giảm/tăng 437.779.869 VND). Mức độ nhạy cảm đối với sự biến động của lãi suất năm nay không thay đổi nhiều so với năm trước.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Tập đoàn nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban điều hành các Công ty trong Tập đoàn đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể do khoản đầu tư chứng khoán có giá trị nhỏ.

Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Tập đoàn không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	76.608.553.761	-	150.359.706.491	-	76.608.553.761	150.359.706.491
Phải thu khách hàng	567.220.029.490	(64.312.180.073)	587.228.827.463	(66.602.834.193)	502.907.849.417	520.625.993.270
Các khoản cho vay	7.252.931.953	-	68.397.375.756	-	7.252.931.953	68.397.375.756
Các khoản phải thu khác	16.913.702.818	(2.760.285.270)	53.437.070.759	-	14.153.417.548	53.437.070.759
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	244.504.000.000	(6.666.053.832)	233.400.000.000	(11.887.176.000)	237.837.946.168	221.512.824.000
Cộng	912.499.218.022	(73.738.519.175)	1.092.822.980.469	(78.490.010.193)	838.760.698.847	1.014.332.970.276

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

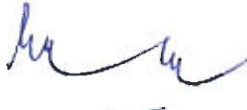
	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	127.260.440.424	63.820.220.368	127.260.440.424	63.820.220.368
Vay và nợ	804.890.537.328	476.202.770.186	804.890.537.328	476.202.770.186
Các khoản phải trả khác	43.033.061.358	77.137.159.901	43.033.061.358	77.137.159.901
Cộng	975.184.039.110	617.160.150.455	975.184.039.110	617.160.150.455

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

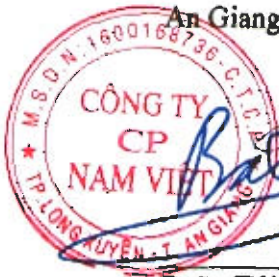

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính. Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc năm tài chính thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.

Tập đoàn chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban điều hành các Công ty trong Tập đoàn đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.


Trần Minh Cảnh
Kế toán trưởng

An Giang, ngày 15 tháng 3 năm 2012



Đoàn Tới
Tổng Giám đốc

34
C
NH
TOÁ
A
TP.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	660.000.000.000	611.965.459.100	(27.417.629.848)	(1.775.888.987)	192.907.679.509	1.435.679.619.774
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	1.775.888.987	-	1.775.888.987
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	73.426.429.804	73.426.429.804
Trích các quỹ trong năm	-	-	-	-	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
Trích các quỹ trong năm	-	-	-	-	(59.044.725.000)	(59.044.725.000)
Số dư cuối năm trước	660.000.000.000	611.965.459.100	(27.417.629.848)	-	202.289.384.313	1.446.837.213.565
Số dư đầu năm nay	660.000.000.000	611.965.459.100	(27.417.629.848)	-	202.289.384.313	1.446.837.213.565
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	34.213.065.784	34.213.065.784
Trích các quỹ trong năm	-	-	-	-	(5.200.000.000)	(5.200.000.000)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	(59.044.725.000)	(59.044.725.000)
Số dư cuối năm nay	660.000.000.000	611.965.459.100	(27.417.629.848)	-	172.257.725.097	1.416.805.554.349

Đơn vị tính: VND

An Giang, ngày 15 tháng 3 năm 2013



Trần Minh Cảnh

Trần Minh Cảnh
Kế toán trưởng

Doãn Tới
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực kinh doanh thủy sản	Lĩnh vực sản xuất ferocrom	Cộng
Năm nay			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.556.712.557.009	189.450.242.086	1.746.162.799.095
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.556.712.557.009	189.450.242.086	1.746.162.799.095
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	68.753.658.812	(4.050.840.335)	64.702.818.477
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			64.702.818.477
Doanh thu hoạt động tài chính			23.389.102.496
Chi phí tài chính			(66.092.311.826)
Thu nhập khác			16.190.106.780
Chi phí khác			(12.781.734.874)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(50.940.929)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			(314.549.234)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			25.042.490.890
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	218.810.348.891	6.458.644.251	225.268.993.142
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	96.350.361.094	24.187.857.173	120.538.218.267
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Năm trước

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài

1.604.778.394.650 150.441.704.256 1.755.220.098.906

Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.604.778.394.650 150.441.704.256 1.755.220.098.906

Kết quả kinh doanh theo bộ phận

61.748.257.104 (32.024.874.231) 29.723.382.873

Các chi phí không phân bổ theo bộ phận

-

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh

29.723.382.873

Doanh thu hoạt động tài chính

92.450.464.545

Chi phí tài chính

(66.110.664.643)

Thu nhập khác

12.768.106.617

Chi phí khác

(22.341.064.266)

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

-

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

(142.672.235)

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp

46.347.552.891

Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác

68.603.240.042 47.227.418.750 115.830.658.792

Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn

93.344.605.913 22.661.849.847 116.006.455.760

Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)

- - -

Trần Minh Cảnh
Kế toán trưởng



An Giang, ngày 15 tháng 3 năm 2013

Doãn Tới
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực kinh doanh thủy sản	Lĩnh vực sản xuất ferocrom	Cộng
Số cuối năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	2.438.233.887.507	-	2.438.233.887.507
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			-
Tổng tài sản			2.438.233.887.507
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	1.020.524.018.316	-	1.020.524.018.316
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			-
Tổng nợ phải trả			1.020.524.018.316
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.797.895.896.855	355.630.859.511	2.153.526.756.366
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			-
Tổng tài sản			2.153.526.756.366
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	409.530.380.196	241.372.630.284	650.903.010.480
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			-
Tổng nợ phải trả			650.903.010.480

Trần Minh Cảnh
Kế toán trưởng



Đoàn Tới
Tổng Giám đốc

